TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN U MINH** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 52/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 17-4-2023
Về việc tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH TỈNH CÀ MAU.

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Mộng Chi.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trịnh Hữu Hiệp

Ông Nguyễn Hải Hưng

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Lụa, Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

Ngày 17 tháng 4 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 48/2023/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 02 năm 2023 về việc *"Tranh chấp ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 3 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lâm Thị T, sinh năm: 1971 (có mặt).

Địa chỉcư trú: Ấp 6, xã Nguyễn Phích, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn:* Ông Lê Văn Đ, sinh năm: 1969 (vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp 6, xã Nguyễn Phích, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Nguyên đơn bà Lâm Thị T trình bày:*

Về hôn nhân: Bà và ông Lê Văn Đ tự nguyện làm đám cưới, chung sống với nhau năm 1991 đến năm 2003 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Nguyễn Phích, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau. Sau khi chung sống vợ chồng có một con chung nhưng cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, bất đồng ý kiến trong sinh hoạt hàng ngày, vợ chồng không có sự tôn trọng nhường nhịn nhau nên đã ly thân từ tháng 5/2022 đến nay. Xét thấy cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Lê Văn Đ.

Về con chung: Có một con chung tên Lê Thái S, sinh năm 1991, con chung đã trưởng thành có đầy đủ khả năng lao động nên không yêu cầu.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn ông Lê Văn Đ đúng theo quy định pháp luật nhưng ông Đ không có văn bản thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng, quan hệ tranh chấp: Bà Lâm Thị T yêu cầu được ly hôn với ông Lê Văn Đ tranh chấp được xác định là tranh chấp hôn nhân gia đình về việc ly hôn thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ông Đ đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt ông Đ theo quy định.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Lâm Thị T và ông Lê Văn Đ làm đám cưới chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện vào năm 1991 đến năm 2003 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Nguyễn Phích, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau theo quy định nên quan hệ hôn nhân của bà T và ông Đ là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

Bà T yêu cầu ly hôn với ông Đ vì bà T xác định vợ chồng chung sống không hạnh phúc, bất đồng ý kiến trong sinh hoạt hàng ngày, vợ chồng không có sự tôn trọng nhường nhịn nhau, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng gay gắt không thể hàn gắn, vợ chồng đã ly thân từ tháng 5/2022 đến nay. Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông Đ để tham gia giải quyết vụ án nhưng ông Đ không có ý kiến gì đối với yêu cầu ly hôn của bà T và cũng không có biện pháp để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Từ đó cho thấy cuộc sống hôn nhân của bà T và ông Đ không thể tiếp tục, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà T ly hôn với ông Đ.

[3] Về nuôi con chung: Bà Lâm Thị T và ông Lê Văn Đ có một con chung tên Lê Thái S, sinh năm 1991. Xét thấy, bà T xác định con chung đã trưởng thành có đủ khả năng lao động nên không xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Bà T xác định tài sản chung tự thỏa thuận, không có nợ chung. Ông Đ không có ý kiến gì đối với việc bà T xác định tài sản chung tự thỏa thuận, không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí sơ thẩm: Bà Lâm Thị T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 4 Điều 147; điểm b, khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các điều 51, 56, 58 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Lâm Thị T. Bà Lâm Thị T được ly hôn với ông Lê Văn Đ.

2. Về nuôi con chung: Có một con chung tên Lê Thái S, sinh năm 1991 đã trưởng thành không xem xét.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét.

4. Về án phí: Bà Lâm Thị T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng. Bà Lâm Thị T đã nộp tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010970 ngày 20 tháng 02 năm 2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh, tỉnh Cà Mau chuyển thu án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện U Minh;
- Chi cục THADS huyện U Minh;
- Các đương sự;
- UBND xã nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu: hồ sơ vụ án, văn thư.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Mộng Chi